

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2023

*“V/v Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc và bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện nay đang cư trú tại: khu Q, thành phố Đ, Đài Loan, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh và chị A chung sống với nhau tại Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến năm 2018 chị A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống giữa anh và chị A phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, các bên không tìm được tiếng nói chung nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A để các bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Bị đơn chị Nguyễn Thị A vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 16/02/2023 có xác nhận của Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chị A trình bày: Chị và anh H kết hôn trên tinh thần tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bình thường đến đầu năm 2018 chị đi Đài Loan làm việc. Đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách nhau, không thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau nên dẫn đến tình cảm lạnh nhạt và mâu thuẫn gay gắt, không tìm được biện pháp để hàn gắn cuộc sống chung. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung anh H và chị A đều trình bày: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/3/2010 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 04/02/2012.

Quan điểm của anh H: Hiện nay cháu M và cháu V đang ở cùng anh, khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của chị A: Khi vợ chồng ly hôn chị đang ở nước ngoài nên đề cho anh H nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không phải cấp dưỡng. Sau khi về nước, anh chị sẽ thỏa thuận lại về quyền nuôi con. Hiện nay chị không có thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị A đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điều 469, 477 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51,56,58,81,82,83 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A được ly hôn. Về con chung: Giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nguyễn Văn M và cháu Nguyễn Thị V. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A đều là người Việt Nam, chị A hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa anh H và chị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Trước khi sang Đài Loan sinh sống, làm việc các đương sự có hộ khẩu thường trú tại Bồ Thây, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Do bị đơn không có mặt tại Việt Nam, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt là thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vì vậy, Tòa án không mở phiên họp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H với bị đơn chị Nguyễn Thị A là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu Nguyễn Văn M và cháu Nguyễn Thị V thì vợ chồng anh H, chị A có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/3/2010 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 04/02/2012 hiện đang ở cùng với anh H. Ly hôn các đương sự đều đề nghị để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, đề nghị về nuôi con của các bên đương sự là phù hợp thực tế và nguyện vọng của các cháu M và Vy, vì vậy, Tòa án chấp nhận giao cháu M và cháu V cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điều 469, 477 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51,56,58,81,82,83 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con của anh Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị A được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/3/2010 và cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 04/02/2012 cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H, và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006927 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Vĩnh Phúc; anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc.
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Đài Loan, Trung Quốc;
- Lưu: HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc